

Bản án số: 74/2023/HSST

Ngày: 27/11/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhài.

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Thanh Hải
2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Ông Nông Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Trung D; tên gọi khác: Không; sinh ngày 22/01/1979 tại Thái Nguyên; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Tổ dân phố N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Lưu N (đã chết); con bà: Nguyễn Thị Thanh X; có vợ: Phạm Thị D1 (đã ly hôn) và có 02 con; tiền sự: Không.

Tiền án: 02

- Tại bản án số 02/HSST ngày 09/01/2015 Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù và án phí, chưa chấp hành xong phần bồi thường.

- Tại bản án số 446/HSST ngày 15/11/2018 Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 48 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chưa chấp hành xong phần án phí và tiền phạt.

Nhân thân: 04

+ Năm 1996, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

+ Năm 1999, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm xử phạt 18 tháng tù tội “Cố ý gây thương tích”.

+ Năm 2001, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

+ Năm 2006, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/6/2023 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. (Có mặt)

*** Người bào chữa cho bị cáo do Đoàn luật sư tỉnh T cử:** Luật sư Hoàng Thị H – Văn phòng L1, Đoàn luật sư tỉnh T. (Có mặt).

*** Người làm chứng:**

Anh Bùi Đức C, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ dân phố N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên

*** Người chứng kiến:**

Chị: Đinh Thị B, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 24/6/2023, tổ công tác Công an xã B phối hợp với Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên làm nhiệm vụ tại khu vực tổ dân phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát hiện Nguyễn Trung Dũng có biểu hiện liên quan đến ma túy, tổ công tác yêu cầu được kiểm tra, D chấp hành và tự giác lấy từ túi quần bên trái đang mặc giao nộp cho tổ công tác 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 01 túi nilon màu xanh chứa 95 viên nén (gồm 94 viên nén màu hồng và 01 viên nén màu xám) niêm phong ký hiệu A; 01 túi nilon màu xanh bên trong có túi nilon màu trắng chứa các cục chất bột màu trắng, niêm phong ký hiệu B. Ngoài ra còn thu giữ của D 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ đã qua sử dụng.

Cùng ngày, khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Trung D tại tổ dân phố N, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên không phát hiện thu giữ gì.

Tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng và lấy mẫu gửi giám định đối với số chất ma túy thu giữ của Nguyễn Trung D, kết quả:

Bì niêm phong ký hiệu A: Cân toàn bộ 94 viên nén màu hồng có khối lượng 8,567 gam, đồng thời lấy mẫu gửi giám định ký hiệu A1. Cân 01 viên nén màu xám có khối lượng 0,079 gam, lấy toàn bộ mẫu gửi giám định ký hiệu A3.

Bì niêm phong ký hiệu B: Cân toàn bộ số cục chất bột màu trắng có khối lượng 37,634 gam, lấy mẫu gửi giám định ký hiệu B.

Tiến hành mở kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, nhưng không kiểm tra được nội dung bên trong vì điện thoại không lên nguồn, không khởi động được.

Tại bản kết luận giám định số 861/KL-KTHS ngày 03/7/2023 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận:

- Mẫu các viên nén màu hồng trong bì ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, Methamphetamine. Khối lượng thu giữ ban đầu là 8,567 gam.

- Mẫu viên nén màu xám trong bì ký hiệu A3 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine. Khối lượng thu giữ ban đầu là 0,079 gam.

- Các cục chất bột màu trắng trong bì ký hiệu B1 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, có tên khoa học là D2, được quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; khối lượng thu giữ ban đầu là 37,634 gam.

Quá trình điều tra Nguyễn Trung D khai nhận như sau: Khoảng 20 giờ ngày 22/6/2023, D đi ra khu vực cầu G thuộc phường Đ, thành phố T gặp một người nam giới tự giới thiệu tên là S và hỏi mua 100 viên ma túy tổng hợp “hồng phiến” với giá 2.000.000 đồng rồi mang về nhà cất giấu, sau đó D lấy 05 viên ma túy sử dụng cho bản thân. Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 24/6/2023 bạn của D là T (Sôi) nhà ở khu vực đại tướng niệm 27/7, thuộc thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên gọi điện thoại cho D hỏi mua 100 viên ma túy tổng hợp hồng phiến và 01 cây Heroine (tương đương 37,5gam), D đồng ý và cho biết còn 95 viên ma túy tổng hợp hồng phiến bán với giá 3.000.000 đồng, giá 01 cây Heroine là 28.000.000 đồng, T đồng ý mua và bảo D mang ma túy lên khu vực ngã ba buro điện Đ thuộc thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên bán cho T. Khoảng 12 giờ cùng ngày, D đi ra khu vực cầu G gặp đối tượng tên S và hỏi mua 01 cây Heroine, S bán cho D 25.000.000 đồng Heroine đựng trong 01 túi nilon màu xanh, bên trong có 01 túi màu trắng chứa các cục Heroine. Sau khi mua được Heroine D đem về nhà và lấy túi nilon chứa 95 viên ma túy tổng hợp hồng phiến cùng cho vào trong túi quần bên trái D đang mặc, với mục đích đem đi bán cho T. D đến nhà anh Bùi Đức C, cùng tổ dân phố với D, thuê C chở D đến Buro điện Đ có việc (D không cho C biết D đi bán ma túy). C đồng ý và điều khiển xe ô tô chở D đến khu vực Buro điện Đ thì D bảo dừng lại, D thấy có người nam giới khoảng 27 – 28 tuổi (không biết tên, địa chỉ) đến hỏi và biết D là bạn của T nên dẫn đến quán Cà phê Ngọc B1 ở khu vực chợ Đ1 để gặp T, C ngồi trong xe chờ D. Khi

D và người thanh niên trên vào quán Ngọc B1 thì thấy T ngồi ở bàn, D đến ngồi cùng T được 05 phút, chưa kịp giao ma túy cho T thì lực lượng Công an huyện đến kiểm tra, T bỏ chạy, D tự khai có cất giấu ma túy trong người và tự giác lấy ma túy trong người ra giao nộp cho cơ quan Công an. Cơ quan Công an đã thu giữ của D số ma túy và 01 chiếc điện thoại di động như nêu trên.

Vật chứng của vụ án: 37,635 gam Heroine, 8,646 gam Methamphetamine, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO.

Tại Cáo trạng số 96/CT-VKS-P1 ngày 08/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Trung Dũng về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo D khai nhận hành vi phạm tội của mình như trong quá trình điều tra, bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng, không oan.

Phản luận tội tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trung D từ 17 năm đến 18 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Số vật chứng thu giữ của bị cáo là ma túy không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo D không tranh luận.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo D: Nhất trí với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố và luận tội đối với bị cáo D phạm cả về tội danh và điểm, khoản, điều luật áp dụng. Đây là vụ án phạm tội bắt quả tang, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải, bị cáo có bố, mẹ đẻ đều là người có công nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm nguy hiểm” tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, mẹ đẻ già yếu, vợ đã ly hôn, con còn nhỏ, không có tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù và hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo D nhất trí với nội dung bào chữa của luật sư, không bổ sung gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo cải tạo sớm trở về gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa người làm chứng và người chứng kiến vắng mặt nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra. Căn cứ vào Điều 293, Điều 296 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi, các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều là hợp pháp.

[3]. Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Do hám lời, nên ngày 22/6/2023 và ngày 24/6/2023 Nguyễn Trung D đã đến khu vực cầu G thuộc tổ dân phố G, phường Đ, thành phố T mua của một người nam giới tên S (không rõ họ tên và địa chỉ) 8,646 gam ma túy loại Methamphetamine, và 37,634 gam ma túy loại Heroine với giá 27.000.000 đồng, mục đích để bán. Ngày 24/6/2023 D đem 8,646 gam ma túy loại Methamphetamine, và 37,634 gam ma túy loại Heroine đến khu vực tổ dân phố C, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để bán cho T nhà ở thị trấn H, huyện Đ với giá 31.000.000 đồng nhưng chưa kịp bán thì bị tổ công tác của Công an huyện Đ phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Tổng khối lượng hai loại ma túy thu giữ của D là 46,28 gam.

Với hành vi nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo Nguyễn Trung D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 251. Tội mua bán trái phép chất ma túy

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 15 năm đến 20 năm...

h, Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này”

[4]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, hành vi của bị cáo là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự, buộc bị cáo phải cách ly xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

[5]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo D có nhân thân rất xấu, từ năm 1996 đến năm 2016 bị cáo đã bị kết án bằng 06 bản án về các loại tội khác nhau, trong đó có 02 bản án năm 2015 và năm 2018 chưa được xóa án tích, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và bố mẹ đẻ bị cáo là người có công quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, nhân thân cùng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

- Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có thu lợi bất chính nên phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng theo khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[7]. Vật chứng vụ án:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO thu giữ của bị cáo D, bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật hình sự cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Các phong bì ký hiệu: A1, A2, A3, A4, B1, B2, B3, A, B là ma túy + vỏ bì niêm phong không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[8]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Như phân tích trên xét mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[10]. Trong vụ án này, D khai đã mua ma túy của một người nam giới tên là S ở phường Đ, thành phố T, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh có người tên là Nguyễn Thanh S1, sinh năm 1956, nơi cư trú: Tổ dân phố G, phường Đ, thành phố T, kết quả nhận dạng D xác định không phải là người bán ma túy cho D. Ngoài ra, D khai mua ma túy để bán lại cho Đinh Văn T1, quá trình điều tra T1 không nhận là người đã đặt mua ma túy với D. Căn cứ tài liệu điều tra thu thập, cơ quan điều tra kết luận chưa đủ cơ sở để xử lý đối với T1.

Đối với Bùi Đức C là người được D thuê chở đi đến thị trấn H, huyện Đ nhưng khi D mang ma túy đi bán Công không biết nên cơ quan điều tra không xử lý đối với C là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung D 17 (Mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/6/2023.

- Phạt bổ sung cho bị cáo 5.000.000 đồng nộp Ngân sách nhà nước.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 bì niêm phong ký hiệu B2 có chữ ký của Lê Danh L, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Trung D, Mai Thành V, Lê Anh T2 và hình dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, bên trong chứa 36,523 gam (ba mươi sáu phẩy năm trăm hai mươi ba gam) heroine.

+ 01 bì niêm phong ký hiệu A2 có chữ ký của Lê Danh L, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Trung D, Mai Thành V, Lê Anh T2 và hình dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, bên trong chứa 8,199 gam (tám phẩy một trăm chín chín gam) Methamphetamine.

+ 01 bì niêm phong ký hiệu A1 có chữ ký của Nguyễn Thành T3, Nguyễn Hữu H1 và hình dấu tròn của Phòng K Công an tỉnh T, bên trong chứa 0,266gam (không phẩy hai trăm sáu mươi sáu gam) Methamphetamine và vỏ bao gói mẫu A1, là mẫu còn lại sau giám định.

+ 01 bì niêm phong ký hiệu B1 có chữ ký của Nguyễn Thành T3 và hình dấu tròn của Phòng K Công an tỉnh T, bên trong chứa 1,101gam (một phẩy một trăm linh một gam) Heroine và vỏ bao gói mẫu B1, là mẫu còn lại sau giám định.

+ 01 bì niêm phong ký hiệu A3 có chữ ký của Nguyễn Thành T3 và hình dấu tròn của Phòng K Công an tỉnh T, bên trong chứa vỏ bao gói mẫu A3.

+ 01 bì niêm phong ký hiệu B3 có chữ ký của Lê Danh L, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Trung D, Mai Thành V, Lê Anh T2 và hình dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, bên trong chứa túi nilon màu xanh, màu trắng và vỏ bì niêm phong ký hiệu B.

+ 01 bì niêm phong ký hiệu A4 có chữ ký của Lê Danh L, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Trung D, Mai Thành V, Lê Anh T2 và hình dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, bên trong chứa túi nilon màu xanh, màu trắng và vỏ bì niêm phong ký hiệu A.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu đỏ, số IMEI 1: 867791049165257, số IMEI 2: 867791049165240, số thuê bao: 0813.587.908 và 0375.526.986 (được đựng trong 01 bì niêm phong ký hiệu ĐTD1 có chữ ký của Nông Văn H2, Diệp Văn N2, Nguyễn Trung D, Nguyễn Trần T4, Hoàng Thị H và hình dấu trong của cơ quan CSĐT Công an tỉnh T)

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 21 ngày 09/11/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T với Cục THADS tỉnh T).

4. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo D phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC; TANDCC; Sở tư pháp;
- VKSNDCC; VKSND tỉnh TN;
- Công an tỉnh TN; Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Nhài